

Bản án số: 18/2020/DS-ST
Ngày: 07-02-2020
V/v tranh chấp: “*Hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thụy Đăng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Dũng

2. Ông Dương Thành Lực

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trường Thạnh, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: bà **Vũ Thị Thanh Đ**, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trường Thạnh, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: vào tháng 11 năm 2017, bà có cho bà Vũ Thị Thanh Đ vay số tiền 130.000.000đồng. Khi cho vay không có làm biên nhận, bà Đ hứa 10 ngày trả, lãi thỏa thuận là 650.000đồng/ngày/130.000.000đồng. Tuy nhiên, sau khi vay thì bà Đ không đóng lãi và trả tiền gốc cho bà. Đến ngày 08/5/2018, thì bà Đ làm giấy mượn tiền xác nhận có vay của bà số tiền 130.000.000đồng và hứa mỗi tháng trả cho bà 5.000.000đồng, tuy nhiên bà Đ cũng không đóng lãi và trả tiền gốc như đã hứa. Nay bà yêu cầu bà Đ trả số tiền vay 130.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Vũ Thị Thanh Đ trình bày: bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị A 03 lần với tổng số tiền là 61.000.000đồng. Trong đó: lần 01 vay 16.000.000đồng, lần 02 vay 20.000.000đồng, lần 03 vay 25.000.000đồng (không nhớ cụ thể ngày tháng vay). Khi vay không làm giấy tờ gì, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Sau khi vay thì bà có đóng lãi cho bà A được một phần (không nhớ số tiền đóng) và bà A tự kê lên nhập vào vốn gốc vay. Đến ngày 08/5/2019, bà có làm giấy mượn tiền xác nhận có nợ bà A số tiền 130.000.000đồng và cam kết mỗi tháng trả 5.000.000đồng. Tuy nhiên bà chưa đóng lãi và trả vốn gốc cho bà A. Hiện tại bà còn nợ bà A số tiền 130.000.000đồng. Nay hoàn cảnh khó khăn bà xin trả mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà A vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Bị đơn bà Đ khai là số tiền 130.000.000đồng theo biên nhận nợ là bao gồm tiền lãi và tiền vốn cộng chung và bà chưa trả số tiền này cho bà A, tuy nhiên bà xác định không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi nhập vốn này, bà đồng ý trả cho bà A số tiền 130.000.000đồng nhưng xin trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1 Bà Nguyễn Thị A có cho bà Vũ Thị Thanh Đ vay tiền, nhưng do bà Đ không đóng lãi và trả vốn như đã thỏa thuận nên hai bên phát sinh tranh chấp, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A: bà A yêu cầu bà Đ trả số tiền 130.000.000đồng đã vay và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Vũ Thị Thanh Đ thừa nhận còn nợ bà A số tiền 130.000.000đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà A, do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi dứt nợ.

Xét thấy: bà A cho bà Đ vay tiền và hai bên có lập biên nhận vay tiền vào ngày 08/5/2018 và bà Đ có ký tên vào biên nhận này. Tại phiên tòa, bà Đ thống nhất sẽ trả cho bà A số tiền vay 130.000.000đồng. Sự thừa nhận của bị đơn thuộc trường hợp nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc bà Đ phải trả cho bà A số tiền 130.000.000đồng.

Đối với việc bà Đ khai số tiền 130.000.000đồng là bao gồm tiền lãi nhập vốn, nhưng bà Đ khẳng định bà không yêu cầu Tòa án xem xét việc này. Do đây là sự tự nguyện của bà Đ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với việc bà Đ xin trả dần mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi trả xong số nợ 130.000.000đồng cho bà A. Yêu cầu này của bà Đ không được bà A chấp nhận nên không có căn cứ để xem xét. Cần buộc bà Đ phải trả toàn bộ số tiền 130.000.000đồng cho bà A mới phù hợp.

Về tiền lãi vay: Do bà A không yêu cầu bà Đ phải trả lãi trên số tiền vay nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.
2. Buộc bà Vũ Thị Thanh Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 130.000.000đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: bà Vũ Thị Thanh Đ phải nộp 6.500.000đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị A được nhận lại 3.250.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 015350 ngày 04 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thụy Đăng Phương